

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03/12/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động: "*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*" đã thụ lý số: 84/2020/TLST-LĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trung D, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Công ty A.

Địa chỉ trụ sở: thị trấn V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Ngọc H - Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Đại diện theo ủy quyền: ông Võ Văn B- Nhân viên Phòng tổ chức -hành chính Công ty A

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bảo hiểm xã hội B

Địa chỉ trụ sở: phường N, Thành phố M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn T

Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trường V – Trưởng Phòng Thanh tra-kiểm tra Bảo hiểm xã hội B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty A có trách nhiệm nộp số tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp và tiền lãi chậm nộp tính đến tháng 10 năm 2020 cho bà Trần Thị Trung D tại Bảo hiểm xã hội B là 50.072.996 đồng (*Năm mươi triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, chín trăm chín mươi sáu đồng*) Số tiền trên còn tiếp tục được tính lãi bằng hai lần mức lãi suất đầu tư quỹ BHXH bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền thời gian Công ty A chậm đóng theo quy định tại Điều 122 Luật BHXH năm 2014.

Công ty A có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Trung D tiền trợ cấp thôi việc là 4.753.125 đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí lao động sơ thẩm:

Công ty A phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Hai bên đương sự.
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Phụng